

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

Số: 15 /PA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 23 tháng 06 năm 2020

PHƯƠNG ÁN

Tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 31/12/2015 trở về trước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 14/9/2015; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/9/2015; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV, ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND, ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND, ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm

theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND, ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế hội đặc thù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2020; Công văn số 166/SNV-TCBC ngày 10/02/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc giao số lượng biên chế viên chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các trường học công lập thuộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột năm 2020;

Căn cứ Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ 2015 trở về trước; Kế hoạch số 2970/KH-UBND ngày 07/04/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tổ chức xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ 2015 trở về trước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

UBND thành phố Buôn Ma Thuột xây dựng Phương án Tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 31/12/2015 trở về trước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cụ thể, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích

Tuyển dụng đặc cách giáo viên đối với những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Công văn số 5378/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.12, giáo viên tiểu học hạng IV - Mã số V.07.03.09, giáo viên mầm non hạng IV - Mã số V.07.02.06 đủ số lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

Việc tuyển dụng đặc cách phải bảo đảm nghiêm túc, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, đúng quy định của pháp luật.

3. Phạm vi áp dụng: Các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột, bao gồm 98 đơn vị, gồm 23 trường mầm non, 48 trường tiểu học và 27 trường THCS.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG

1. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế viên chức

UBND thành phố Buôn Ma Thuột được UBND tỉnh Đắk Lắk giao tại Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 là **3.541** biên chế viên chức giáo dục. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã phân bổ biên chế cho các đơn vị trường học theo quy định. Tính đến 01/05/2020, UBND thành phố đã thực hiện **3.423** biên chế, trong đó đã tuyển dụng là **2.600** biên chế; chưa tuyển dụng là **816** biên chế (207 nhân viên, 609 giáo viên); chưa sử dụng 125 biên chế.

Trong số 609 giáo viên chưa tuyển dụng nêu trên, có 452 giáo viên đã có hợp đồng lao động ở vị trí việc làm giáo viên trước ngày 31/12/2015 tại các cơ sở giáo dục công lập và tham gia Bảo hiểm xã hội liên tục, cụ thể:

STT	Số lượng viên chức được giao năm 2020	Tổng biên chế được giao	Đã tuyển dụng	Chưa tuyển dụng	Chưa sử dụng
Tổng cộng		3.541	2.600	816	125
1	Các trường mầm non	653	376	252	25
2	Các trường tiểu học	1.661	1199	393	69
3	Các trường THCS	1.187	993	163	31
4	Trường PTDT nội trú THCS	22	19	3	0
5	Trung tâm GDNN - GDTX	18	13	5	0

2. Chỉ tiêu, nhu cầu xét tuyển đặc cách giáo viên: 452 chỉ tiêu, cụ thể

TT	Vị trí việc làm	Số lượng
1	Giáo viên Mầm non	138
2	Giáo viên tiểu học	234
2.1	Giáo viên tiểu học	81

2.2.	Giáo viên bộ môn	153
a	Giáo viên Tiếng Anh	25
b	Giáo viên Thể dục	44
c	Giáo viên Tin học	27
d	Giáo viên Âm nhạc	21
đ	Giáo viên Mỹ thuật	32
e	Giáo viên tiếng Pháp	4
3	Giáo viên THCS	80
a	Giáo viên Toán	5
b	Giáo viên Ngữ văn	15
c	Giáo viên Tiếng Anh	4
d	Giáo viên Tin học	6
đ	Giáo viên Vật lý	8
e	Giáo viên Hóa học	9
g	Giáo viên Sinh học	9
h	Giáo viên Sử	3
i	Giáo viên Thể dục	6
k	Giáo viên Địa	2
l	Giáo viên Mỹ thuật	7
m	Giáo viên Âm nhạc	5
n	Giáo viên Công nghệ	1

(Chi tiết Bậc Mầm non: phụ lục số 01; Bậc Tiểu học: phụ lục số 02; bậc THCS: phụ lục số 03)

III. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện chung: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo; không phân biệt loại hình đào tạo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- 1.1. Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- 1.2. Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động;
- 1.3. Có đơn đăng ký dự tuyển;
- 1.4. Có lý lịch rõ ràng;
- 1.5. Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- 1.6. Có bằng tốt nghiệp chuyên môn phù hợp với chức danh nghề nghiệp giáo viên cần tuyển: Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.12, giáo viên tiểu học hạng IV - Mã số V.07.03.09, giáo viên mầm non hạng IV - Mã số V.07.02.06.

2. Điều kiện cụ thể

2.1. Đối tượng

Giáo viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn để nộp hồ sơ dự xét tuyển đặc cách phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Công văn số 5378/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ:

- Hiện đang làm hợp đồng lao động theo vị trí việc làm giảng dạy tại cơ sở giáo dục công lập, đã có thời gian ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, làm công việc giảng dạy tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn trước ngày 31/12/2015, trong chỉ tiêu biên chế, có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng.

- Hợp đồng lao động do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Trưởng phòng Nội vụ thành phố, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp ký theo ủy quyền của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và trong chỉ tiêu biên chế được giao.

2.2. Điều kiện về chuyên môn nghiệp vụ

a. Giáo viên trung học cơ sở hạng III: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên. Đối với người tốt nghiệp trình độ cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở.

b. Giáo viên tiểu học hạng IV: Có bằng tốt nghiệp Trung cấp sư phạm tiểu học hoặc Trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.

c. Giáo viên mầm non hạng IV: Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên.

2.3. Trình độ ngoại ngữ: Có một trong các trình độ sau đây:

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên, đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên tiểu học hạng IV, giáo viên mầm non hạng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có trình độ A trở lên, đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên tiểu học hạng IV, giáo viên mầm non hạng IV theo Quyết định số 177/QĐ.TCBT ngày 30/01/1993 hoặc có trình độ A1 trở lên đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên tiểu học hạng IV, giáo viên mầm non hạng IV theo Quyết định số 66/2008/QĐBGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có chứng chỉ, chứng nhận quốc tế còn hạn sử dụng như TOEFL, TOEIC, IELTS, FCE hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ trở lên.

- Đối với người dự tuyển môn Tiếng Anh, trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt một trong các trình độ nêu trên.

2.4. Trình độ tin học:

Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương.

3. Những trường hợp sau đây không được đăng ký xét tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả xét tuyển tại vòng 2.

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19/8/1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả xét tuyển tại vòng 2.

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả xét tuyển tại vòng 2.

Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều đối tượng ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả xét tuyển tại vòng 2.

V. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức: Xét tuyển đặc cách.

2. Nội dung xét tuyển: Thực hiện theo nội dung phỏng vấn qua 2 vòng cụ thể:

2.1. Vòng 1: Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ dự tuyển về điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển; người dự tuyển đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại Mục III của phương án này thì được tham dự vòng 2.

2.2. Vòng 2: Sát hạch về trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được tham gia tuyển dụng đặc cách. Trong đó:

- Hình thức sát hạch: Phỏng vấn.
- Thang điểm phỏng vấn: Theo thang điểm 100.
- Thời gian phỏng vấn: Tối đa 30 phút.
- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển đặc cách viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển;
- Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng ở vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng (đối với trường hợp vị trí có cạnh tranh);

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Hội đồng xét tuyển báo cáo Chủ tịch UBND thành phố quyết định người trúng tuyển.

VI. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

1. Hội đồng xét tuyển đặc cách viên chức (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có 07 thành viên do Chủ tịch UBND thành phố quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- Các thành viên Hội đồng gồm: đại diện lãnh đạo một số phòng, ban của UBND thành phố;
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là chuyên viên Phòng Nội vụ

Không cử làm thành viên Hội đồng đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người tham gia xét tuyển; những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của người dự xét tuyển và những người đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức xét tuyển theo Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ và đúng Phương án đã được phê duyệt.

Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng:

3.1. Chủ tịch Hội đồng:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định, chỉ đạo việc xét tuyển đúng quy chế, nội quy kỳ xét tuyển viên chức;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng;
- Quyết định thành lập Ban kiểm tra phiếu dự tuyển, Ban kiểm tra sát hạch;
- Tổ chức việc xây dựng đề phòng vấn theo đúng quy định, bảo đảm bí mật đề phòng vấn theo chế độ tài liệu “Mật”;
- Chỉ đạo Ban Kiểm tra sát hạch để xây dựng đề phòng vấn và tổng hợp kết quả theo quy định;
- Báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tuyển.

3.2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng

Giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành hoạt động và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

3.3. Các thành viên của Hội đồng

Được Chủ tịch Hội đồng phân công nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo các hoạt động của Hội đồng đúng quy định.

3.4. Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng:

- Chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng và ghi các biên bản cuộc họp của Hội đồng;
- Tổ chức, chuẩn bị tài liệu hướng dẫn ôn tập cho thí sinh (nếu có);
- Tổ chức việc thu phí dự xét tuyển, quản lý thu, chi và thanh quyết toán phí dự xét tuyển theo quy định;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả xét tuyển với Hội đồng xét tuyển.

VII. BAN GIÁM SÁT

Ban Giám sát do Chủ tịch UBND thành phố quyết định thành lập bao gồm Trưởng ban và các thành viên

Ban giám sát có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8, Điều 6 Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ.

Không cử làm thành viên Ban giám sát đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người tham gia xét tuyển; những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của người dự xét tuyển và những người đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

VIII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

1. Thành phần hồ sơ dự tuyển bao gồm:

1.1. Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức (*theo mẫu phát hành của Hội đồng* theo quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018);

1.2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (*theo mẫu phát hành của Hội đồng*) dán ảnh màu 4x6 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

1.3. Bản sao hợp lệ (*công chứng, chứng thực*): Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân/căn cước công dân được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

1.4. Bản sao hợp lệ (*công chứng, chứng thực*): Bằng tốt nghiệp THPT; văn bằng chuyên môn, bằng điểm kết quả học tập; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (*đối với người dự tuyển không học chuyên ngành sư phạm*) theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

- Bản sao hợp lệ (*công chứng, chứng thực*) chứng chỉ hoặc chứng nhận trình độ, ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Trường hợp có văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

1.5. Bản kê khai quá trình công tác (*theo mẫu*) có xác nhận của Ban Giám hiệu trường đang công tác; Bản sao các hợp đồng lao động đã ký theo vị trí việc làm giảng dạy tại các trường; Bản xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định.

1.6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (*nếu có*) kèm theo bản sao hợp lệ giấy chứng nhận ưu tiên của người được cấp (*công chứng hoặc chứng thực*).

1.7. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp huyện trở lên cấp theo quy định hiện hành. Giấy chứng nhận sức khỏe có giá trị trong 12 tháng kể từ ngày ký đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển (*quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế*);

1.8. Ba (03) ảnh 4x6 ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh phía sau ảnh;

1.9. Ba (03) phong bì có dán tem, ghi rõ: Họ và tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh. Trường hợp tên người nhận không trùng với tên thí sinh thì phải ghi cả tên thí sinh và người nhận, yêu cầu ghi rõ: Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh và người nhận.

2. Các nội dung cần lưu ý

2.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển viên chức được thực hiện thống nhất theo mẫu do cơ quan Thường trực Hội đồng phát hành.

Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật. Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

2.2. Tổ phát hành và tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển chỉ tiếp nhận hồ sơ xét tuyển đối với các giáo viên đang hợp đồng lao động trong chỉ tiêu biên chế tại các trường học công lập thuộc thành phố Buôn Ma Thuột.

2.3. Người dự tuyển nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào vị trí tuyển dụng nơi người dự tuyển đang công tác. Trường hợp người dự tuyển nộp hồ sơ dự tuyển từ 02 vị trí tuyển dụng trở lên nếu bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả xét tuyển.

2.4. Người dự tuyển nộp hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển đảm bảo đúng quy định thì đồng thời nộp lệ phí xét tuyển.

Hồ sơ và lệ phí đăng ký dự tuyển sẽ không hoàn trả lại sau khi đã đăng ký tham gia dự tuyển.

3. Nơi phát hành và tiếp nhận nộp hồ sơ: Tại phòng Nội vụ thành phố, địa chỉ số 01 Lý Nam Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo tuyển dụng, tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

4.1. Thông báo công khai ít nhất 01 (một) lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương (Đài Truyền thanh – Truyền hình, Cổng thông tin điện tử thành phố) và niêm yết tại trụ sở làm việc của UBND thành phố, phòng Nội vụ thành phố, phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, các trường học trực thuộc UBND thành phố các nội dung sau: Phương án xét tuyển được phê duyệt; Kế hoạch và thông báo xét tuyển; Danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển.

4.2. Người đăng ký dự tuyển nộp trực tiếp hồ sơ dự tuyển theo mẫu về địa điểm tiếp nhận hồ sơ dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính (*ngày nộp hồ sơ căn cứ vào dấu bưu điện nơi gửi*).

4.3. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng được công khai.

4.4. Sau khi Phương án này được phê duyệt, UBND thành phố xây dựng Kế hoạch thời gian cụ thể thực hiện trình tự, thủ tục tổ chức tuyển dụng (Dự kiến quý III/2020).

X. KINH PHÍ, LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

Kinh phí, lệ phí xét tuyển Lấy thu bù chi, không sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước (vận dụng Thông tư Liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

XI. THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT TUYỂN

1. Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc công tác sát hạch tại vòng 2, Hội đồng xét tuyển phải hoàn thành công tác tổng hợp kết quả tuyển dụng, báo cáo kết quả dự tuyển và trúng tuyển về UBND thành phố đề nghị Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sau khi có kết quả phê duyệt của UBND tỉnh, UBND thành phố niêm yết công khai kết quả xét tuyển, danh sách người trúng tuyển tại trụ sở làm việc của UBND thành phố, phòng Nội vụ, phòng Giáo dục và Đào tạo và trên cổng thông tin điện tử thành phố; gửi thông báo kết quả xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định tuyển dụng và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển.

4. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ trúng tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định hủy kết quả trúng tuyển và báo cáo Sở Nội vụ bằng văn bản.

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ thành phố:

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét tuyển đặc cách viên chức.
- Tham mưu UBND thành phố: Kế hoạch tuyển dụng viên chức sau khi Phương án được phê duyệt; Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển; Quyết định thành lập Tổ phát hành và tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển; Quyết định tuyển dụng cho các trường hợp trúng tuyển sau khi có kết quả công nhận của Sở Nội vụ tỉnh.

- Lập dự trù kinh phí và tham mưu quy trình, thủ tục tổ chức xét tuyển theo đúng quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND thành phố giao.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

- Phối hợp với phòng Nội vụ thực hiện Phương án, Kế hoạch được phê duyệt đúng theo quy định.

- Bố trí công chức, viên chức tham gia công tác xét tuyển khi có yêu cầu của UBND thành phố hoặc Hội đồng xét tuyển.

- Chỉ đạo một số trường học chuẩn bị cơ sở vật chất để phục vụ việc xét tuyển theo Phương án này (nếu có).

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND thành phố giao.

3. Phòng Y tế thành phố

Xây dựng Kế hoạch công tác Y tế phục vụ Hội đồng xét tuyển và các thí sinh tham dự xét tuyển viên chức.

4. Văn phòng HĐND và UBND thành phố

- Thông báo công khai Phương án và các văn bản, thông tin liên quan đến công tác tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 31/12/2015 trở về trước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trên Cổng thông tin điện tử thành phố.

- Bố trí cơ sở vật chất để phục vụ công tác xét tuyển theo Phương án này.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND thành phố giao.

5. Công an thành phố

Xây dựng Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho kỳ tuyển dụng đặc cách viên chức.

6. Các trường học công lập trực thuộc UBND thành phố

- Thông báo công khai tại trụ sở của đơn vị về Phương án này sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Báo cáo chức danh nghề nghiệp hiện có, nhu cầu tuyển dụng theo vị trí việc làm và nội dung có liên quan đến công tác tuyển dụng đặc cách;
- Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ viên chức, phân công công tác theo đúng vị trí, chỉ tiêu đăng ký xét tuyển.

Trên đây là Phương án Tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 31/12/2015 trở về trước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột./.

Nơi nhận *chữ*

- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Nội vụ;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Đài Truyền thanh - Truyền hình;
- Công an thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Các trường công lập trên địa bàn tp;
- Lưu: VT, NV.

 **CHỦ TỊCH**



PHÓ CHỦ TỊCH

VŨ VĂN HÙNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

Phụ lục 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG NHU CẦU XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH GIAO VIÊN BẠC MÀM NON
(Kèm theo Phương án số 15 /UBND-PA ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND thành phố)

Stt	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Trường Mầm non Cư Êbur	11	
2	Trường Mầm non EaKao	12	
3	Trường Mầm non Thống Nhất	4	
4	Trường Mầm non Thành Nhất	2	
5	Trường Mầm non Hòa Thuận	4	
6	Trường Mầm non 10/3	7	
7	Trường Mầm non Hoa Lan	4	
8	Trường Mầm non Rạng Đông	6	
9	Trường Mầm non Hoà Khánh	10	
10	Trường Mầm non Thành Công	5	
11	Trường Mầm non Hòa Phú	4	
12	Trường Mầm non Khánh Xuân	5	
13	Trường Mầm non Hòa Xuân	5	
14	Trường Mầm non Thắng Lợi	11	
15	Trường Mầm non Hòa Thắng	9	
16	Trường Mầm non Ea Tu	14	
17	Trường Mầm non Tân Lợi	3	
18	Trường Mầm non Tân Hòa	1	
19	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	2	
20	Trường Mầm non Tân An	4	
21	Trường Mầm non Tân Thành	4	
22	Trường Mầm non Tự An	6	
23	Trường Mầm non Tân Lập	5	
Tổng cộng		138	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG NHU CẦU XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN BẠC THCS

(Kèm theo Phương án số 15 /UBND-ĐT ngày 23 tháng 9 năm 2020 của UBND thành phố)

Stt	Đơn vị	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Tin học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Sử	Thể dục	Địa lý	Mỹ thuật	Âm nhạc	Công nghệ	Tổng cộng
1	THCS Đoàn Thị Điểm						1	1				1		1	4
2	THCS Trưng Vương			1			1		1						3
3	THCS Đào Duy Từ		2		1	1		1			1				6
4	THCS Nguyễn Chí Thanh						1						1		2
5	THCS Phan Bội Châu						1						1		2
6	THCS Nguyễn Văn Cừ									2		1			3
7	THCS Trần Hưng Đạo						1					1			2
8	THCS Đoàn Kết			1								1			2
9	THCS Hòa Xuân					2				1					3
10	THCS Nguyễn Trường Tộ				1						1				2
11	THCS Huỳnh Thúc Kháng		1		1										2
12	THCS Lê Lợi					1									1
13	THCS Phan Chu Trinh		1					1				1			3
14	THCS Hùng Vương						1								1
15	THCS Hòa Khánh		2					1							3
16	THCS Trần Bình Trọng	1			1		1								3
17	THCS Hàm Nghi	2	3	1		3	1	1	1	1					13
18	THCS Trần Quang Diệu		2										1		3
19	THCS Lạc Long Quân		1												1
20	THCS Nguyễn Thị Minh Khai				1			1							2
21	THCS Lương Thế Vinh				1							1			2
22	THCS Tân Lợi							1							1
23	THCS Ea Tu	2	1							1		1			5
24	THCS Hòa Phú		2	1		1	1	2	1	1			2		11
Tổng cộng		5	15	4	6	8	9	9	3	6	2	7	5	1	80

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG NHU CẦU XÉT TUYỂN ĐẠC CÁCH GIÁO VIÊN BẬC TIỂU HỌC
(Kèm theo Phương án số 15/UBND-PA ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND thành phố)



Stt	Trường	Giáo viên tiểu học	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tin học	Giáo viên Tiếng pháp	Tổng giáo viên
1	Trường TH Bế Văn Đàn	5	1	1	1	1	1	-	10
2	Trường TH Bùi Thị Xuân	2	1	1	-	-	1	-	5
3	Trường TH Đinh Bộ Lĩnh	7	-	1	2	-	-	-	10
4	Trường TH Hoàng Hoa Thám	3	-	-	-	-	-	-	3
5	Trường TH Kim Đồng	1	-	-	2	-	-	-	3
6	Trường TH La Văn Cầu	1	1	1	1	1	1	-	6
7	Trường TH Lê Đại Hành	-	1	2	1	1	1	-	6
8	Trường TH Lê Hồng Phong	1	1	-	1	-	2	2	7
9	Trường TH Lê Lai	3	1	1	1	1	-	-	7
10	Trường TH Lê Ngọc Hân	1	1	-	1	-	-	-	3
11	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	4	1	-	1	-	1	-	7
12	Trường TH Lê Văn Tám	-	1	-	-	1	1	-	3
13	Trường TH Lý Thường Kiệt	2	1	-	1	-	-	-	4
14	Trường TH Lý Tự Trọng	4	1	1	1	1	-	-	8
15	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	1	1	-	1	1	1	-	5
16	Trường TH Mạc Thị Bưởi	-	1	-	1	-	-	-	2
17	Trường TH Ngô Gia Tự	2	1	-	1	-	1	-	5
18	Trường TH Ngô Mỹ	4	-	-	1	1	-	-	6
19	Trường TH Ngô Quyền	-	-	-	-	-	1	-	1
20	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	-	-	1	1	1	-	-	3

Stt	Trường	Giáo viên tiểu học	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tin học	Giáo viên Tiếng pháp	Tổng giáo viên
21	Trường TH Nguyễn Công Trứ	2	1	-	1	1	-	-	5
22	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	1	-	-	1	1	-	-	3
23	Trường TH Nguyễn Du	-	1	-	-	-	1	-	2
24	Trường TH Nguyễn Đức Cảnh	-	1	-	1	-	1	-	3
25	Trường TH Nguyễn Huệ	-	1	-	1	1	-	-	3
26	Trường TH Nguyễn Thị Định	-	-	1	1	-	-	-	2
27	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	1	-	1	1	-	-	-	3
28	Trường TH Nguyễn Trãi	3	1	-	2	-	-	-	6
29	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	1	-	-	1	-	-	-	2
30	Trường TH Nơ Trang Long	4	1	-	1	-	1	-	7
31	Trường TH Phan Bội Châu	2	1	1	1	1	1	-	7
32	Trường TH Phan Chu Trinh	-	-	-	-	1	1	-	2
33	Trường TH Phan Đăng Lưu	1	-	-	1	-	-	-	2
34	Trường TH Phan Đình Phùng	3	1	-	1	1	-	-	6
35	Trường TH Phú Thái	3	1	-	-	1	1	-	6
36	Trường TH Phú Vinh	3	1	-	-	1	-	-	5
37	Trường TH Thái Phiên	5	2	2	2	-	1	-	12
38	Trường TH Tô Hiệu	-	-	1	-	1	1	-	3
39	Trường TH Tô Vĩnh Diện	2	1	2	1	1	1	-	8
40	Trường TH Trần Cao Vân	2	1	-	1	1	1	-	6
41	Trường TH Trần Phú	1	1	-	1	-	1	-	4
42	Trường TH Trần Quốc Toản	-	-	-	2	-	-	-	2
43	Trường TH Trần Quốc Tuấn	-	-	-	1	1	1	-	3
44	Trường TH Trần Văn Ôn	1	-	-	1	1	1	-	4

Stt	Trường	Giáo viên tiểu học	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tin học	Giáo viên Tiếng pháp	Tổng giáo viên
45	Trường TH Triệu Thị Trinh	3	1	2	-	1	1	-	8
46	Trường TH Võ Thị Sáu	-	-	2	1	2	1	2	8
47	Trường TH Y Jút	-	1	-	2	-	1	-	4
48	Trường TH Y Wang	2	1	-	1	-	-	-	4
Tổng cộng		81	32	21	44	25	27	4	234